

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 26/01/2024

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản,  
Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tấn Phát

2. Bà Bùi Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Tiểu P - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184A/2023/QĐXX-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1982 và ông Lê Văn T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn Hiên T1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Bà Mai Ngọc G, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số A Đường Q, khu phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị S và ông Lê Văn T do ông Trần Văn H Trung đại diện trình bày:

Vợ chồng bà S, ông T và bà Giàu có quen biết nhau, do tin tưởng nên vợ chồng bà S, ông T cho bà G vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2022, cho bà G vay 600.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất,

thời hạn trả là ngày 10/8/2022. Bà G tự viết giấy vay và ký tên.

Ngày 12/01/2023, cho bà G vay 100.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả là ngày 12/02/2023. Bà G tự viết giấy vay và ký tên.

Tổng cộng bà G vay số tiền là 700.000.000 đồng.

Vào ngày 31/01/2023 bà G mượn với số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không thoả thuận lãi suất, do ông T đưa bằng tiền mặt, không có viết giấy nhận tiền, hẹn đến ngày 31/02/2023 thì trả.

Ngoài tiền vay, bà G còn tham gia chơi hụi, do bà S làm chủ hụi, cụ thể như sau:

+ Hụi 3.000.000 đồng/phần, khai ngày 20/4/2022, hụi khai nửa tháng/lần, có 24 phần, bà G tham gia 03 phần; bà G đã hót hụi và đóng tiền như sau:

- 01 phần hót lần đầu, đóng hụi chết 16 lần, còn lại 07 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 21.000.000 đồng.

- 01 phần hót lần thứ hai, đóng hụi chết 16 lần, còn lại 07 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 21.000.000 đồng.

- 01 phần hót lần thứ hai, đóng hụi chết 16 lần, còn lại 07 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 21.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà G còn thiếu đây hụi này là: 63.000.000 đồng.

+ Hụi 3.000.000 đồng /phần, khai ngày 10/8/2022, hụi khai nửa tháng/lần, có 24 phần, bà G 04 phần; bà G đã hót hụi và đóng tiền như sau:

- 01 phần hót lần đầu, đóng hụi chết 11 lần, còn lại 12 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 36.000.000 đồng.

- 01 phần hót lần thứ hai, đóng hụi chết 11 lần, còn lại 12 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 36.000.000 đồng.

- 01 phần hót lần thứ ba, đóng hụi chết 11 lần, còn lại 12 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 36.000.000 đồng.

- 01 phần hót lần thứ tư, đóng hụi chết 11 lần, còn lại 12 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà G còn thiếu là: 144.000.000 đồng.

+ Hụi 2.000.000đ/phần, khai ngày 15/01/2023, hụi khai nửa tháng/lần, có 24 phần, bà G tham gia 04 phần.

- 02 phần hót lần đầu, còn lại 23 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là 92.000.000 đồng.

- 02 phần hót lần thứ hai, đóng hụi sống 01 lần, còn lại 22 lần không đóng, số tiền bà G còn thiếu hụi chết chưa đóng là: 88.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà G còn thiếu là: 180.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền chơi hụi bà G còn thiếu vợ chồng bà S và ông T là: 387.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng, bà G nợ tiền vay và tiền hụi của bà S, ông T là 1.187.000.000 đồng. Quá hạn trả tiền theo thoả thuận, vợ chồng bà S, ông T đã

yêu cầu bà G trả tiền vay và tiền hui nhiều lần nhưng bà G không trả. Bà S, ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà G trả số tiền vay và tiền nợ hui là 1.187.000.000 đồng.

Ngày 06/7/2023, bà S, ông T yêu cầu Toà án đưa chồng cũ của bà G là ông Nguyễn Minh T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc ông T2 có nghĩa vụ liên đới cùng bà G trả tiền vay và tiền hui cho bà S, ông T do số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Ngày 21/11/2023, bà S, ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Toà án đưa ông Nguyễn Minh T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc ông T2 có nghĩa vụ liên đới cùng bà G trả tiền vay và tiền hui cho bà S, ông T.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà G về việc yêu cầu bà G trả số tiền nợ hui là 387.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà G trả số tiền nợ vay là 700.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Mai Ngọc G không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.*

*- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà S, ông T đối với bà G về số tiền hui là 387.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, ông T. Buộc bà G phải trả cho bà S, ông T số tiền nợ 700.000.000 đồng. Án phí, chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị S, ông Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp tiền vay, tiền hui nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Mai

Ngọc G cư trú tại thành phố T nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách đương sự: Bà S, ông T đề nghị Tòa án đưa ông Nguyễn Minh T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tiến hành làm việc với ông T2 nhưng ngày 21/11/2023, bà S, ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đưa ông T2 tham gia tố tụng và không yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ liên đới cùng với bà G trả tiền nợ nên Tòa án không đưa ông T2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn bà M N gọc Giàu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Mai Ngọc G

[2] Về nội dung:

Bà S và ông T cho rằng bà Giàu c nợ tiền vay là 800.000.000 đồng, tiền hụi là 387.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà S và ông T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu khởi kiện đối số tiền nợ hụi là 387.000.000 đồng. Số tiền 100.000.000 đồng mà bà S, ông T cho rằng đã cho bà G vay vào ngày 31/01/2023, do ông T, bà S không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận. Bà S, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà S, ông T:

[2.1] Đối với việc bà S, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ chỉ giải quyết và ông T, bà S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu này.

[2.2] Đối với số tiền vay 700.000.000 đồng, bà S, ông T yêu cầu bà G trả và không yêu cầu tính lãi:

Chứng cứ bà S, ông T nộp là 03 Giấy mượn tiền, viết tay, viết trên giấy vở học sinh, có chữ ký người mượn là Mai Ngọc G. Cụ thể:

Giấy ngày 10/7/2022 có nội dung: “Ngày 10/7/2022 mượn 100.000.000 (một trăm triệu). Mai Ngọc G”.

Giấy ngày 10/7/2022 có nội dung: “Tôi tên Mai Ngọc G. SN: 23.3.1990 ở khu phố C, p1, thành phố T có mượn của chị Lê Thị S ấp P xã P huyện C Tây Ninh với số tiền là: 500.000.000 (năm trăm triệu).

Tôi xin cam đoan trên đây là hoàn toàn sự thật nếu sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tây ninh: 10/7/2022.

**Mai Ngọc G**”

Giấy mượn tiền ngày 12/01/2023 có nội dung như sau: “Tôi tên **Mai Ngọc G**. SN: 23-3-1990. Tôi có mượn của anh **Lê Văn T** ấp P, xã P, Châu Thành T với số tiền là: 100.000.000 (một trăm triệu). Trong vòng 1 tháng kể từ ngày mượn tôi xin hứa trả đúng hẹn.

Người mượn

**Mai Ngọc G**”

Bà **G** không tới Toà án làm việc, không có ý kiến gì đối với số tiền bà **S**, ông **T** khởi kiện. Chứng cứ bà **S**, ông **T** giao nộp bà **G** cũng không có ý kiến gì phản đối không thừa nhận. Bà **S**, ông **T** đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà **G** tại 03 giấy mượn tiền nêu trên. Tại Kết luận giám định số 1220/KL-KTHS ngày 03/10/2023 của **Phòng K - Công an tỉnh T** kết luận chữ viết, chữ ký mang tên **Mai Ngọc G** trên 03 giấy mượn tiền so với chữ ký, chữ viết đúng tên **Mai Ngọc G** trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra nên có căn cứ xác định chứng cứ này là hợp pháp. Do đó, có căn cứ xác định bà **Giàu c** vay của bà **S**, ông **T** số tiền là 700.000.000 đồng. Vì vậy bà **Giàu c** có nghĩa vụ phải trả tiền vay cho bà **S**, ông **T**.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà **S**, ông **T** có căn cứ chấp nhận. Buộc bà **G** phải trả cho bà **S**, ông **T** số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng.

[3] Án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà **S**, ông **T** được Tòa án chấp nhận nên bà **G** phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 217, Điều 147, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** đối với bà **Mai Ngọc G** về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” đối với số tiền hội là 387.000.000 đồng.

Bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** đối với bà **Mai Ngọc G** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Mai Ngọc G** phải trả cho bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà **Mai Ngọc G** phải chịu 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

- Bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.805.000 (hai ba triệu tám trăm linh năm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0001954 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

**4. Chi phí tố tụng:** Bà **Mai Ngọc G** phải chịu 3.420.000 (ba triệu bốn trăm hai mươi ngàn) đồng chi phí giám định. Bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** đã nộp tạm ứng nên bà **Mai Ngọc Giàu c1** nghĩa vụ nộp trả lại cho bà **Lê Thị S** và ông **Lê Văn T** 3.420.000 (ba triệu bốn trăm hai mươi ngàn) đồng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Thanh Hoa**